

Lời Dạy Của Đức Phật

Chương thứ nhất

Nhân Duyên

Tiết 1: Bốn Sự Thật

1. Thế giới này đầy những khổ đau. Sinh cũng khổ, già, bệnh, chết cũng khổ, phải gặp kẻ mà ta ghét cũng khổ, phải chia xa người mà ta yêu thương cũng khổ, mong muốn mà không có được cũng khổ. Quả thật, người chưa lìa bỏ sự chấp trước thì tất cả đều khổ. Đây gọi là sự thật về khổ (khổ đế).

Nguyên nhân nào dẫn đến khổ đau của nhân gian? đó là do những khát ái nơi thân và những si mê trong tham dục. Nếu tìm về căn nguyên của những phiền não này, sẽ thấy chúng có nguồn gốc từ những ham muốn bản năng. Những dục vọng như thế có bản chất chấp nê đối với sự sống, tìm kiếm những điều như ý cho dù đến chết. Đây gọi là sự thật về nguyên nhân của khổ (tập đế).

Nếu tận diệt tất cả, không còn những gốc rễ phiền não này, lìa khỏi tất cả mọi chấp trước thì sẽ không còn khổ. Đây gọi là sự thật về việc chấm dứt khổ (diệt đế).

Đề vào được cảnh giới không còn khát ái và khổ đau thì phải tu hành bát chánh đạo. Đó là, chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Bát chánh đạo này là con đường chân chánh để diệt trừ nguyên nhân đưa đến khổ đau (đạo đế).

Người con Phật phải luôn ghi nhớ những chân lý này. Vì cuộc đời đầy dẫy khổ đau, những ai muốn thoát khỏi khổ đau ấy đều phải dứt bỏ cội rễ phiền não. Chỉ nhờ sự giác ngộ thì con người mới có thể đạt đến cảnh giới không còn khổ và phiền não. Có được sự giác ngộ là nhờ tám chánh đạo này.

2. Những ai cầu giác ngộ thì đều phải biết bốn thánh đế này. Do vì không biết những điều này mà con người mãi lang thang trong đường mê. Người hiểu biết được tứ thánh đế thì gọi là người có được con mắt giác ngộ.

Do đó, những ai muốn thực hành theo lời dạy của Phật thì phải biết một cách rõ ràng về giáo lý tứ thánh đế này. Thánh giả, dù bất cứ thời đại nào, nếu là bậc thánh chọn chánh đều là người đã chứng ngộ tứ thánh đế này, là người giảng dạy tứ thánh đế này.

Khi hiểu rõ về bốn chân lý này thì con người bắt đầu lìa xa dục vọng, không tranh cãi với thế gian, không sát hại, không trộm cắp, không phạm tà hạnh, không dối trá, không khinh khi, không xu nịnh, không ghen ghét, không nóng giận, không quên cuộc đời là vô thường, không làm đường lạc lối.

3. Thực hành thánh đạo cũng giống như bước vào căn phòng tối với ngọn đèn trên tay, bóng tối sẽ biến mất và gian phòng sẽ được chiếu sáng.

Nhân Duyên

Những ai hiểu rõ ý nghĩa tứ thánh đế này và học theo tứ thánh đế này thì kẻ đó có ngọn đèn trí tuệ, xoá tan bóng tối của vô tri.

Đức Phật dẫn dắt chúng sanh bằng việc chỉ ra bốn thánh đế này. Người học tập đúng lời Phật dạy, nhờ tứ thánh đế này mà đạt được giác ngộ chân thật, sẽ là nơi nương tựa và bảo hộ cho con người trong thế gian. Vì tứ thánh đế đã được rõ và gốc rễ phiền não vô minh đã được diệt trừ.

Người đệ tử Phật nhờ tứ thánh đế này mà thấu hiểu được những giáo lý khác, có được công đức và trí tuệ hiểu biết những điều khác, cho dù đối với ai thì cũng có thể nói pháp một cách tự tại.

Tiết 2: Nhân Duyên

1. Khổ đau của con người là có nguyên nhân, và cũng có con đường để những khổ đau ấy chấm dứt. Bởi vì, tất cả mọi sự vật trong đời đều do duyên mà sanh, do duyên mà diệt.

Mưa rơi, gió thổi, hoa nở, lá rụng, tất cả đều do duyên mà sinh, đều do duyên mà diệt.

Thân này được sanh ra nhờ duyên bố mẹ, được nuôi dưỡng nhờ thức ăn. Và tâm hồn này cũng là cái được nuôi lớn nhờ tri thức và kinh nghiệm.

Do đó, thân thể này, tâm hồn này đều do duyên mà thành, và cũng thay đổi tùy theo duyên.

Cũng giống như mắt võng, do cùng đan với nhau mà tạo thành cái võng, mọi thứ trong đời đều có sự liên hệ lẫn nhau. Nếu cho rằng mỗi một mắt võng là mỗi tồn tại độc lập, chỉ có một mà cũng là mắt võng thì là sai lầm lớn.

Cái mắt võng được gọi là cái mắt võng khi nó được đan cùng với những mắt võng khác. Mỗi mỗi mắt võng có vai trò nối với mắt võng khác để làm thành cái võng.

2. Hoa nở là do có nhiều duyên hợp lại mà nở, lá rơi là do có nhiều duyên hợp lại mà rơi, không chỉ đơn thuần tự nó nở, tự nó rơi.

Cũng như do duyên mà nở, do duyên mà rơi, mọi vật cũng

Nhân Duyên

đều có sự thay đổi. Không có chuyện nó tự tồn tại, cũng không có chuyện thường trụ.

Tất cả sự vật do duyên mà sanh do duyên mà diệt là nguyên lý bất di bất dịch. Do đó, vạn vật luôn biến đổi, không đứng yên, ấy là nguyên lý chân thật trong trời đất này. Chỉ có điều này là vĩnh viễn không thay đổi.

Tiết 3: Duyên Khởi

1. Ưu bi khổ não của con người do đâu mà có ? Đó là do con người mê chấp.

Họ chấp vào sự giàu có, chấp vào danh dự, chấp vào khoái lạc, chấp vào sự hứng thú và khoái trá bản thân. Họ không biết sự thật rằng những tham chấp này là nguồn gốc sinh ra khổ não.

Ngay từ đầu, thế giới này đã có nhiều tai hoạ. Bên cạnh đó, vì không tránh khỏi lão, bệnh, tử nên con người phải sầu bi và khổ đau.

Nhưng nếu suy cho cùng thì do vì chấp trước nên sinh ra sầu bi và khổ đau. Nếu lìa khỏi chấp trước thì tất cả ưu bi và khổ đau sẽ không còn.

Và hơn nữa, nếu loại bỏ được chấp trước này thì sẽ nhìn thấy được vô minh và tham ái trong tâm.

Do vô minh làm thay hình đổi dạng nên con người ta không thể mở mắt, mịt mù với đạo lý nhân quả. Tham ái là tham những thứ không thể có được rồi chấp trước và yêu lấy nó.

Vốn dĩ, vạn vật không có sai biệt nhưng vì vô minh và tham ái mà cho rằng có sai biệt. Vốn dĩ vạn vật không có tốt xấu nhưng vì vô minh và tham ái mà thấy có tốt xấu.

Con người thường có những suy nghĩ sai lầm, do ngu si nên không thể thấy đúng. Do chấp vào cái tôi nên hành động sai lầm. Kết quả là sinh ra sự lầm lạc cho bản thân.

Nhân Duyên

Giả sử hành động (nghiệp) của chúng ta là ruộng, tâm là hạt giống, được che phủ bởi đất vô minh, tưới tắm bằng mưa tham ái, trở vào đó nước tự ngã, thêm vào ý niệm tà ác, và thế là sinh ra sự lầm lạc trên.

2. Như thế rút cuộc, chính cái tâm ấy sinh ra thế giới mê lầm với sầu, bi, khổ, não.

Thế giới này mê lầm chẳng qua chỉ là cái bóng của tâm, được hiển hiện ra từ cái tâm này, và thế giới giác ngộ cũng được hiển hiện ra từ tâm này.

3. Trong đời này có ba quan điểm sai lầm.

Nếu theo những quan điểm này thì tất cả mọi thứ trên thế gian này đều bị phủ định.

Thứ nhất, có người cho rằng tất cả những điều trải qua trong cuộc đời của một người đều do vận mệnh. Thứ hai, có người cho rằng những điều ấy là do thần linh tạo ra. Thứ ba, cũng có người cho rằng vạn sự đều không nhân không duyên gì cả.

Nếu mọi thứ đã được quyết định bằng định mệnh thì nơi thế giới này, cả điều thiện lẫn điều ác đều do vận mệnh, cả hạnh phúc và bất hạnh cũng đều do vận mệnh. Không có gì tồn tại mà không do định mệnh sắp đặt. Và thế là tất cả những hy vọng, những nỗ lực của con người sẽ không còn ý nghĩa, sự tiến bộ và cải thiện trong thế gian này cũng

không còn.

Thuyết do thần linh sáng tạo ra, và thuyết cuối cùng là vô nhân vô duyên cũng thế, sẽ bị phê phán tương tự, tất cả những ý chí và nỗ lực bỏ ác hành thiện đều trở nên vô nghĩa.

Do đó, ba quan điểm trên đều là sai lầm. Mọi thứ có mặt đều do duyên mà sinh, do duyên mà diệt.

Chương thứ hai

Tâm và Trạng Thái Vốn Có Của Sự Vật

Tiết 1: Vô Thường và Vô Ngã

1. Cả thân và tâm đều là những thứ do duyên tạo thành, do đó nơi thân này không có thực thể. Thân này là sự tập hợp của nhân duyên. Do đó, thân này là vô thường.

Nếu thân này mà có thật thể thì chúng ta muốn nó thế nào nó sẽ thành như thế ấy.

Vị vua của một quốc gia, có thể ra hình phạt đối với những điều đáng phạt, thưởng những điều đáng thưởng. Có thể làm được những điều vị ấy muốn. Tuy nhiên, dù không muốn bệnh cũng bị bệnh, không mong già cũng phải già, về thân thể này, chẳng mấy như ý muốn.

Cũng thế, tâm con người cũng không có thật thể. Tâm cũng là sự nhóm họp của chư duyên, là thứ luôn luôn thay đổi.

Nếu tâm mà có thật thể thì chúng ta muốn thế nào sẽ được như thế ấy. Nhưng dù tâm không muốn mà vẫn nghĩ điều ác, dù không mong mà cứ xa rời điều lành, chẳng mấy như ý.

2. Thân này vĩnh viễn không thay đổi hay sao? hay cũng là vật vô thường? nếu chúng ta đặt câu hỏi như thế thì chắc chắn ai cũng trả lời, đó là vật vô thường.

Nếu hỏi vật vô thường là khổ hay là vui, thì chắc chắn ai

Tâm và Trạng Thái Vốn Có Của Sự Vật

cũng trả lời, phàm đã được sinh ra thì ai cũng phải đến lúc già, bệnh, chết và đau ốm, nên ai cũng phải khổ.

Nếu nghĩ rằng, vô thường, biến đổi, khổ đau là thật thể, là ngã của chúng ta, nghĩ như thế là sai lầm.

Tâm cũng thế, cũng vô thường, khổ đau, không phải thật thể.

Như thế, thân và tâm hình thành nên chúng ta và những thứ liên quan chung quanh đều xa rời khái niệm “tôi” và “của tôi”.

Chỉ vì không có trí tuệ nên chấp có cái tôi và cái của tôi.

Vì thân này và cả những thứ chung quanh cũng đều là thứ do duyên mà sanh, luôn thay đổi không hề ngừng nghỉ.

Nó thay đổi như dòng nước đang chảy, như ngọn nến đang cháy. Và tâm lúc nào cũng dao động như khi vượn, không khi nào yên tĩnh.

Người có trí tuệ thì sẽ nhìn như thế, nghe như thế, phải vứt bỏ sự chấp trước đối với thân và tâm. Khi lìa khỏi chấp trước đối với cả thân và tâm thì có thể đạt được giác ngộ.

3. Trên thế gian này có năm điều không ai làm được. Một là làm cho không già khi đang già, hai là làm cho không bệnh khi đang bệnh, ba là làm cho không chết khi phải chết, bốn là làm cho không diệt khi vật phải diệt mất, năm là làm cho đừng đến sự cùng kiệt khi phải đến sự cùng

Tâm và Trạng Thái Vốn Có Của Sự Vật

kiệt.

Người bình thường thì gặp những điều khó tránh này sẽ khổ đau sâu não, nhưng người có học Phật pháp rồi thì vì biết đây là những điều không thể tránh khỏi nên không ôm mối sầu khổ như thế.

Lại nữa, trên thế gian này có bốn sự thật. Một là tất cả chúng sanh đều được sinh ra từ vô minh. Hai là những đối tượng của dục vọng đều vô thường, khổ đau và luôn luôn thay đổi. Ba là tất cả mọi tồn tại cũng đều là vô thường, khổ đau và luôn luôn thay đổi. Bốn là cái tôi và cái của tôi không thật sự tồn tại.

Tất cả sự vật đều là vô thường, đều thay đổi, không có vật gì là ngã. Cho dù đức Phật có xuất hiện trên thế gian này hay không thì điều này vốn đã là đạo lý từ muôn đời. Đức Phật biết điều này, chứng ngộ điều này và chỉ dạy cho con người.

Tiết 2: Tâm Tạo Tác

1. Dù là mê hay ngộ cũng từ tâm mà hiện ra. Tất cả sự vật đều do tâm tạo thành. Cũng giống như ảo thuật gia ảo hoá ra nhiều thứ.

Tâm của con người biến hoá không ngừng, và tác động của nó cũng vô hạn. Với tâm như bản thì sẽ có thế giới ô trược, với tâm thanh tịnh thì sẽ có thế giới thanh lương. Do đó, sự hoá hiện ra thế giới bên ngoài là vô cùng.

Như bức tranh được vẽ bởi người hoạ sĩ, thế giới bên ngoài là do tâm tạo thành. Thế giới do chư Phật tạo thành là thế giới thanh tịnh, không có não phiền. Thế giới do con người tạo thành là thế giới nhiễm ô bởi phiền não.

Tâm như người hoạ sĩ giỏi, vẽ ra đủ mọi thế giới. Trên thế gian này không có gì mà không do tâm tạo ra. Cũng giống như tâm con người, đức Phật cũng thế. Cũng giống như chư Phật, chúng sanh cũng thế. Do đó, trên phương diện tất cả mọi thứ đều được vẽ nên, nên tâm, Phật và chúng sanh, cả ba vốn là không sai biệt.

Đức Phật biết một cách đúng đắn rằng tất cả sự vật đều do tâm mà sinh khởi. Do đó, những ai thấy được như thế thì có thể thấy được Phật thật sự.

2. Tuy nhiên, tâm này thường hay lo sợ sàu bi khổ não. Lo sợ những điều đã xảy ra, và lo sợ cả những điều chưa xảy ra. Vì sao vậy? vì trong tâm có vô minh và ái trước.

Tâm và Trạng Thái Vốn Có Của Sự Vật

Từ tâm tham này mà thế giới mê loạn được sinh ra, nếu nói một cách vắn tắt thì, những nhân duyên nơi thế giới mê loạn đều có trong tâm.

Sinh và tử cũng đều do tâm mà ra. Do đó, khi tâm – cái có liên quan đến sanh tử diệt tận, thì sanh tử mê mờ cũng diệt tận.

Thế giới mê lầm này do tâm sinh khởi. Vì nhìn với tâm mê lầm nên thế giới mê lầm. Nếu lìa khỏi tâm và biết rằng không có thế giới mê lầm thì lìa khỏi nhiễm ô và đạt thành giác ngộ.

Như thế, thế gian này được dẫn dắt bởi tâm, bị lôi kéo bởi tâm, chịu sự chi phối của tâm. Do tâm mê mờ mà hiển hiện ra thế gian đầy phiền não.

3. Tất cả sự vật đều do tâm đứng đầu, tâm làm chủ, từ tâm mà thành. Nếu với tâm nhiễm ô mà nói năng, mà hành động thì khổ đau sẽ đi theo người đó như chiếc xe đi theo con vật kéo xe.

Tuy nhiên, nếu với tâm thiện lành mà nói năng, mà hành động thì an lạc sẽ đi theo người đó, như bóng theo hình. Người làm ác sẽ nhận ác báo và sẽ khổ đau; người làm lành sẽ nhận thiện báo và sẽ an lành.

Nếu tâm này ô trược thì con đường này không bằng phẳng, vì thế sẽ phải bị vấp ngã. Còn nếu tâm trong sáng thì con đường sẽ bằng phẳng và sẽ được an toàn.

Tâm và Trạng Thái Vốn Có Của Sự Vật

Kẻ nào thân tâm trong sạch thì kẻ ấy sẽ có thể phá lưới ma, đi vào cõi nước của Phật. Người có tâm tĩnh lặng thì sẽ có được sự an ổn, do đó cần phải đem ngày nỗ lực từng chút để tu tập tâm.

Tiết 3: Hình Thái Chân Thực Của Sự Vật

1. Tất cả mọi sự vật trên thế gian này đều do duyên mà hiện thành, vì thế vốn không có sai biệt, sai biệt nếu có là do thiên kiến của con người.

Vũ trụ không có sự phân biệt đông tây, nhưng con người đã đặt ra đông tây và chấp trước đây là đông, đấy là tây.

Số tự vốn bắt đầu từ số 1 đến số vô hạn, mỗi mỗi là những con số hoàn chỉnh, không có sự phân biệt về lượng nhiều hay ít, nhưng con người vì thuận tiện cho mình mà phân biệt ít nhiều.

Vốn dĩ, nếu không có sinh thì cũng không có diệt, tuy nhiên do vì thiên kiến của con người mà nhìn thấy sự sai biệt về sinh và diệt, lại nữa, hành vi của con người tự nó không có thiện cũng không có ác mà nhìn thấy có hai mặt thiện ác là do thiên kiến của con người.

Đức Phật rời xa khỏi thiên kiến này, cõi đời này như mây trôi giữa không trung, như huyễn hoá, ngài nhìn thấy bất cứ thứ gì mà tâm lấy hay bỏ cũng đều là hư giả. Ngài đã xa lìa tâm toan tính và phân biệt.

2. Con người vì có tâm toan tính, chấp trước vào sự vật. Chấp vào phú quý, chấp vào tài vật, chấp vào danh dự, chấp vào sinh mạng.

Do chấp vào các thứ hữu-vô, thiện-ác, chánh-tà, mà dẫn đến phiền não khổ đau sai lầm chông chất.

Tâm và Trạng Thái Vốn Có Của Sự Vật

Có câu chuyện rằng, có một người du hành chuyển xa, nhìn thấy một con sông lớn, anh ta nghĩ, “bờ bên này của con sông này đầy nguy hiểm, nhưng bên bờ kia thì có vẻ an ổn hơn”. Thế rồi anh ta làm một chiếc bè, nhờ chiếc bè ấy anh đã qua được bên kia sông một cách an toàn. Thế rồi anh ta nghĩ, “chiếc bè này đã đưa ta qua bờ sông bên này một cách an toàn, là chiếc bè rất hữu ích. Do đó, ta không nên vứt nó, nên vác nó trên vai mà đi”.

Lúc này, chúng ta có thể nói người này đang làm những gì cần làm đối với chiếc bè không? hoàn toàn không.

Ví dụ này muốn nói rằng, ngay cả những điều đúng cũng không nên chấp lấy nó mà phải quăng bỏ nó khi cần phải quăng bỏ. Điều đúng mà cũng cần quăng bỏ hướng gì là điều không đúng.

3. Mọi sự vật không đến không đi, không sinh không diệt, nên cũng không có gì là được cũng không có gì là mất.

Đức Phật dạy: Tất cả sự vật không phải có cũng không phải không, vì chúng vượt khỏi phạm trù tồn tại hay không tồn tại. Nên không hữu, không vô, không sanh, không diệt. Tức là sự vật do nhân duyên mà thành, bản tính của sự vật tự nó không có thực tính nên nói là không có, vì do nhân duyên mà thành, cũng không phải không, nên nói là không không.

Nhìn thấy hình tướng của sự vật rồi chấp vào đó là nguyên nhân dẫn đến tâm sai lầm. Nhưng nếu nhìn thấy nó mà

Tâm và Trạng Thái Vốn Có Của Sự Vật

không chấp lấy nó, thì không khởi lên toan tính. Giác ngộ chính là nhìn thấy đạo lý chân thật này và xa rời khỏi tâm toan tính.

Thế gian này thật như giấc mộng, tài sản bảo vật cũng là những vật như huyễn hoá. Cũng giống như khoảng cách rõ ràng trong một bức tranh, mọi thứ tự thân nó không có thực thể, chỉ như là quáng nắng.

4. Sự vật được xuất hiện là do vô số nhân duyên, nếu tin rằng nó tồn tại mãi như thế thì đó là quan điểm sai lầm, gọi là thường kiến. Và nếu tin rằng nó hoàn toàn không tồn tại thì đó cũng là quan điểm sai lầm, gọi là đoạn kiến.

Những đoạn, thường, hữu, vô này thật ra không phải là hình tướng chân thật của sự vật, mà đó là những hình tướng thấy được do chấp trước của con người. Sự vật vốn dĩ xa rời khỏi những hình tướng chấp trước này.

Tất cả sự vật đều do duyên mà sinh nên đều thay đổi, vì không có thật thể. Không phải là thứ vĩnh viễn bất biến như thể là có thật thể. Vì luôn thay đổi, như huyễn hoá, như giấc mộng. Tuy nhiên đồng thời sự thay đổi đó cũng là sự thật, vĩnh cửu bất biến.

Đối với con người nhìn thấy con sông là sông, nhưng đối với ngựa quỷ thì nhìn thấy nước sông là lửa, nên không thể nhìn thấy đó là sông. Do đó, về con sông ấy, đối với ngựa quỷ thì không thể nói là có, đối với con người thì không thể nói là không.

Tâm và Trạng Thái Vốn Có Của Sự Vật

Cũng vậy, không thể nói tất cả sự vật đều là có, cũng không thể nói là không có, chúng như huyền hoá vậy.

Tuy nhiên, rời bỏ thế gian hư ảo này thì cũng không có thế giới chân thực, cũng không có thế giới vĩnh viễn bất biến. Do đó, xem thế gian này là giả cũng sai, là thật cũng sai.

Người phàm cho rằng thế gian này là thật có, và hành động theo kiến giải ấy. Nhưng vì thế giới này vốn chỉ là ảo ảnh, hành vi của họ dựa trên sai lầm, nên rốt cục dẫn họ đến tổn thất và khổ đau.

Người có trí huệ giác ngộ được đạo lý này, vì thấy huyền hoá là huyền hoá nên không rơi vào sai lầm trên.

Tiết 4: Con Đường Trung Đạo

1. Những người tu hành đạo giác ngộ cần phải tránh xa hai cách sống cực đoan. Một là đời sống bị nhấn chìm trong dục vọng, chịu thua dục vọng. Hai là đời sống khổ hạnh, tự hành hạ thân tâm mình một cách vô ích.

Tránh xa hai lối sống cực đoan này thì tuệ nhãn được khai mở, trí tuệ tăng tiến, có đời sống trung đạo dẫn đến giác ngộ.

Đời sống trung đạo ấy là gì? Đó là bát chánh đạo, gồm có: cách nhìn đúng (chánh tri kiến), tư duy đúng (chánh tư duy), nói năng chuẩn mực (chánh ngữ), hành động đúng (chánh nghiệp), sinh hoạt đúng (chánh mạng), tinh tấn nỗ lực đúng (chánh tinh tấn), nghĩ nhớ đúng (chánh niệm) và thiền định đúng (chánh định).

Vì tất cả sự vật sanh diệt do chuỗi nhân duyên vô cùng. Người phạm phu hoặc nhìn thấy có, hoặc nhìn thấy không. Nhưng cái nhìn của người có trí thì sẽ lìa khỏi có không. Đây là cái nhìn đúng đắn của trung đạo.

2. Một khúc cây trôi trên dòng sông, nếu khúc cây đó không dạt vào hai bên bờ, không chìm ở giữa dòng, không dạt lên trên bờ, không bị người vớt lên, không bị cuốn vào con xoáy, không bị hủ mục từ bên trong thì khúc cây đó sẽ trôi ra biển rộng.

Cũng giống như khúc cây trên, người tu hành đạo giác ngộ

Tâm và Trạng Thái Vốn Có Của Sự Vật

nếu không bị vướng vào bên trong bên ngoài, không vướng vào có không, không vướng vào tà chánh, xa lìa mê lầm, không câu nệ chấp trước, đặt mình ở giữa dòng, ấy là quan điểm trung đạo, đời sống trung đạo.

Điều quan trọng đối với đời sống tu hành là đừng để vướng vào hai cực đoan này và phải thường xuyên bước trên con đường trung đạo.

Nếu biết rằng tất cả sự vật vốn không sanh mà cũng không diệt, chúng vốn là thứ không có bản chất cố định, thì không bị vướng mắc, cũng không vướng vào điều thiện mình làm, không bị sự vật trói buộc.

Không bị trói buộc có nghĩa là không nắm giữ, không chấp trước. Người tu hành đạo giác ngộ không sợ tử cũng không cầu sanh, không chạy theo kiến giải này kiến giải nọ.

Khi con người khởi tâm chấp trước, thì ngay khi ấy bắt đầu đời sống mê lầm. Do đó, người bước trên con đường tỉnh thức sẽ sống cuộc sống không nắm giữ, không chấp trước, không vướng mắc, không chấp nê.

3. Vì sự giác ngộ thì không có hình dáng hay vật thể nhất định, nên sự giác ngộ tự nó không có cái gì được giác ngộ.

Vì có mê lầm cho nên nói đến giác ngộ, nếu không có mê lầm thì giác ngộ cũng không. Lìa khỏi mê thì giác cũng không, lìa khỏi giác thì mê cũng không.

Tâm và Trạng Thái Vốn Có Của Sự Vật

Do đó, việc có sự giác ngộ thành ra là chướng ngại. Do vì có bóng tối nên có chuyện chiếu sáng, nếu không có bóng tối thì việc chiếu sáng cũng không. Việc chiếu sáng và cái được chiếu sáng cũng không còn.

Người tu hành đạo giác ngộ khi đã giác ngộ rồi sẽ không vướng vào sự giác ngộ ấy. Bởi vì việc phân biệt có sự giác ngộ thì lại thành ra là mê lầm.

Nếu đến được cảnh giới ấy thì tất cả mê lầm cứ thế là sự giác ngộ. Bóng tối cứ thế là ánh sáng. Và phiền não cứ thế là bờ-đề.

4. Mọi sự vật đều bình đẳng, không có sai biệt, đó gọi là không. Bản chất của sự vật là không có thật thể, không sanh cũng không diệt. Điều này do vì không thể diễn đạt bằng ngôn từ nên nói là không.

Tất cả sự vật do sự liên hệ hỗ tương mà thành, nương vào nhau mà tồn tại, không phải tự mình hình thành nên.

Cũng giống như hình với bóng, ngắn với dài, trắng với đen, bản chất của sự vật không phải tự mình mà có thể tồn tại, nên nói là vô tự tánh.

Lại nữa, nếu không có mê lầm sẽ không có giác ngộ, ngoài giác ngộ sẽ không có mê lầm. Hai điều này không phải là thứ khác xa nhau, không phải là hai thứ tương phản nhau.

5. Con người thường có thói quen nghĩ rằng sự vật thì

Tâm và Trạng Thái Vốn Có Của Sự Vật

có sanh có tử, nhưng thật ra vốn không có sanh cũng không có tử.

Khi con người có thể nhìn thấy được sự thật này thì họ có thể chứng ngộ được chân lý biết sanh tử không phải hai.

Vì con người cho rằng có cái tôi nên chấp vào cái của tôi, nhưng vốn dĩ không có cái tôi nên chắc chắn cũng không có cái của tôi. Khi biết không có cái tôi và cái của tôi thì chứng được chân lý vô sai biệt.

Con người cho rằng có thanh tịnh và nhiễm ô nên vướng vào hai điều này. Tuy nhiên, vốn dĩ sự vật không thanh tịnh cũng không nhiễm ô, cả thanh tịnh và nhiễm ô chẳng qua đều là thứ được tạo thành do dụng tâm của con người.

Con người cho rằng thiện và ác vốn là những thứ khác biệt nhau nên vướng vào thiện ác. Tuy nhiên, không có cái thiện riêng rẽ, cũng không có cái ác riêng rẽ. Người đã bước vào con đường giác ngộ biết rằng thiện ác này vốn không phải là thứ khác biệt nên chứng được chân lý ấy.

Con người vì lo sợ bất hạnh nên cầu hạnh phúc. Tuy nhiên, với trí tuệ chân thật mà nhìn hai điều này thì sẽ biết chính sự bất hạnh là hạnh phúc và hạnh phúc là bất hạnh. Người có trí tuệ biết đối diện cuộc đời vô thường bằng tâm thái bình đẳng, không phấn khởi vì thành công cũng không chán nản vì thất bại. Như thế là người chứng được chân lý vô sai biệt.

Do đó, dù có nói là hữu hay vô, mê hay giác, thật hay bất

Tâm và Trạng Thái Vốn Có Của Sự Vật

thật, chánh hay tà, nhưng thật ra về mặt bản chất không có những khái niệm tương phản như thế. Khi con người có thể xa lìa khỏi những phạm trù này thì có thể chứng được cái không (sūnyatā) chân thật.

6. Ví như hoa sen không thể sống được nơi đất liền hay cao nguyên sạch sẽ mà chỉ nở trong bùn lầy ô nhiễm, cũng thế, không có chuyện lìa khỏi mê mà có giác ngộ, hạt giống Phật được sinh ra từ nơi mê vọng và kiến giải sai lầm.

Nếu không dấn thân vào mọi hiểm nguy, lặn xuống đáy biển thì không thể lấy được ngọc quý vô giá. Cũng vậy, nếu không vào biển lầy mê vọng thì không thể được viên ngọc giác ngộ. Người cầu đạo giác ngộ trước tiên bị lạc vào ngọn núi của bản ngã và sự vị kỷ trước khi vị ấy nhận ra và mong muốn tìm thấy con đường dẫn vị ấy đi đến giác ngộ.

Có câu chuyện, có vị tiên nhân vì lòng quyết cầu đạo, leo lên núi đao mà không bị thương, gieo thân mình vào lửa dữ mà không bị cháy, lại còn cảm thấy mát mẽ. Nếu có lòng cầu đạo, sẵn sàng mạo hiểm, thì sẽ tìm thấy ngọn gió mát, dù trên núi đao với danh dự lợi dục, hay trong lửa dữ sân hận, và cuối cùng vị ấy cũng sẽ cảm nhận được có ngọn gió của sự giác ngộ thổi qua.

7. Lời Phật dạy dẫn con người đến chân lý vô phân biệt, rời xa hai thành kiến cực đoan. Tuy nhiên, nếu chấp trước mà chọn lấy một trong hai cực đoan thì cho dù đó là thiện, là chánh đi nữa cũng là điều sai lầm.

Tâm và Trạng Thái Vốn Có Của Sự Vật

Nếu con người khẳng khăng nghĩ rằng tất cả sự vật đều là không, là vô thường biến đổi, thì đó cũng là bị rơi vào tư duy sai lầm. Và nếu khẳng khăng nghĩ rằng tất cả sự vật không có sự thay đổi thì điều này lại càng là tư duy sai lầm. Lại nữa, nếu con người chấp rằng có cái ngã, đây là tư duy sai lầm, nên không thể lìa khỏi khổ đau. Nếu con người chấp là không có cái ngã, đây cũng là tư duy sai lầm, nên dù có tu hành cũng không có hiệu quả. Và lại nữa, nếu chấp rằng tất cả sự vật chỉ là khổ đau, đây cũng là tư duy sai lầm. Và nếu cho rằng tất cả sự vật toàn là điều vui sướng thì đây cũng là tư duy sai lầm. Lời Phật dạy là trung đạo, lìa xa những cặp phạm trù này.

Chương thứ ba

Phật Tánh

Tiết 1: Tâm Thanh Tịnh

1. Con người có nhiều loại. Có người trí tuệ, có người ngu muội. Có người tốt tính, có người xấu tính. Có người dễ độ, có người khó độ.

Cũng giống như ao sen có đủ chủng loại màu sắc xanh đỏ vàng trắng. Sinh ra trong nước, lớn lên trong nước, cũng có hoa không vượt lên mặt nước, có hoa lên đến mặt nước, có hoa cao hơn mặt nước, có hoa không còn bị ướt bởi nước.

Con người cũng có nhiều sai biệt. Có sự sai biệt về giới tính nam nữ, nhưng không phải sai biệt về mặt bản chất. Bởi vì, nếu tu hành, trải qua những tiến trình tâm cần thiết, thì cả nam và nữ đều cũng có thể đạt đến giác ngộ.

Trong việc học cách điều phục voi, phải có niềm tin, sức khỏe, siêng năng, không dối trá và trên hết là phải có trí tuệ. Việc theo Phật để được đạo giác ngộ cũng thế, quả là cần phải có năm điều này. Nếu có năm điều ấy thì dù nam hay nữ, không cần nhiều thời gian để học lời Phật dạy. Bởi vì người như thế là đều có đầy đủ những tánh chất cần thiết để giác ngộ.

2. Trên con đường giác ngộ, con người nhìn thấy đức Phật bằng con mắt của riêng mình, tin Phật bằng cái tâm của riêng mình. Cũng vậy, chính con mắt ấy, cái tâm ấy của

con người đem con người lưu chuyển trong mọi nẻo đường sanh tử cho đến hôm nay.

Như một vị vua khi muốn dẹp giặc xâm phạm bờ cõi thì trước hết điều quan trọng là phải biết bọn giặc ấy đang ở đâu. Muốn sạch hết mê lầm cũng thế, trước hết cần phải xác định nhãn quan ấy, cái tâm ấy ở đâu.

Người ở trong gian phòng, nếu mở mắt ra thì trước tiên sẽ nhìn thấy đồ đạc trong gian phòng, rồi qua cửa sổ, nhìn thấy quang cảnh bên ngoài. Không có chuyện không nhìn thấy đồ đạc trong phòng mà chỉ có thể nhìn thấy những vật bên ngoài.

Thế nhưng đáng lẽ ra, nếu nơi thân có tâm thì trước tiên đương nhiên phải biết chi tiết về nội thân, nhưng con người thường chỉ biết những thứ bên ngoài thân mà hầu như không biết gì về nội thân.

Lại nữa, giả như tâm ở ngoài thân thì tâm và thân cách rời nhau, cái tâm biết thì thân không biết, cái thân biết thì tâm không biết. Nhưng thật ra cái tâm biết thì thân cảm nhận được, cái thân cảm nhận được thì tâm biết rõ. Do đó, không thể có chuyện là thân ở ngoài tâm.

Thế thì, rốt cuộc về bản chất, tâm ở đâu?

3. Vốn dĩ từ vô thủy xa xưa, chúng sanh bị trói buộc bởi nghiệp và phiền não. Làm lỗi chồng chất do không biết nguồn gốc của hai điều sau đây.

Phật Tánh

Thứ nhất là, làm tưởng cho rằng tâm mê mờ - nguồn gốc của sanh tử là bản tính của mình. Thứ hai là, không hiểu được rằng tâm thanh tịnh vốn là bản chất của giác ngộ, là cái có sẵn trong tự thân, nó tiềm ẩn đằng sau tâm mê mờ.

Khi một người nắm chặt tay lại rồi giơ lên, mắt nhìn vào đó và tâm phân tích về nó. Tuy nhiên tâm phân tích ấy không phải là tâm chân thật.

Tâm toan tính khởi lên từ dục tham, đó là tâm toan tính đến điều kiện của mình, là tâm sinh khởi do có nhân duyên, không phải là bản tâm, là tâm thay đổi vô thường. Nhưng con người cho rằng tâm ấy là tâm chân thật, và thế là mê lầm sanh khởi.

Kế đến, người đó xoè bàn tay ra, tâm biết rằng bàn tay đã xoè ra. Động tác đó là tay hay là tâm hay không phải cả hai.

Khi tay cử động tâm cũng cử động, và khi tâm cử động thì tay cũng cử động. Tuy nhiên cái tâm cử động ấy là bề nổi bên ngoài của tâm chứ không phải là tâm căn bản chân thật.

4. Tất cả chúng sanh đều có bản tâm thanh tịnh. Nó bị che mất bởi bụi trần mê mờ do những nhân duyên bên ngoài. Nhưng tâm mê mờ ấy là khách chứ không phải là chủ.

Ánh trăng đôi khi bị mây che, nhưng mây không thể làm bản trăng, và cũng không thể làm xao động trăng.

Do đó, con người không nên nghĩ rằng bản tánh của mình

là tâm mê mờ như bụi trần phiêu bạt.

Con người cần phải quay về với cái chân thực của mình, nhìn thấy được bản tâm giác ngộ không lay động, không nhiễm ô. Con người bị lôi kéo bởi tâm mê lầm phiêu bạt, bị thúc đẩy bởi những tri kiến trái chiều nên phải lên đênh nơi bờ mê.

Tâm mê lầm và ô nhiễm của con người là cái được khởi lên do lòng dục và mối tương tác của nó với ngoại duyên vốn luôn biến đổi.

Duyên ấy dù đến dù đi cũng không liên quan, cái tâm vĩnh viễn bất diệt không thay đổi, tâm đó là bản tâm của con người, cũng gọi là chủ.

Cũng giống như không thể nói vì khách đi rồi nên không có cái phòng, không thể nói vì cái tâm toan tính sanh diệt do duyên mất rồi thì không còn cả chính mình. Dụng tâm toan tính đổi thay do duyên ấy không phải là bản tâm.

5. Ở đây có một giảng đường, khi mặt trời lên thì nó sáng, khi mặt trời lặn thì nó tối. Giả sử như trả ánh sáng lại cho thái dương, trả bóng tối lại cho màn đêm. Nhưng năng lực để biết về ánh sáng và bóng tối ấy thì không thể trả về đâu được. Đó là bản tâm, chỉ còn cách trở về bản tâm.

Việc thấy ánh sáng khi mặt trời xuất hiện chẳng qua chỉ là tâm nhất thời, và việc thấy bóng tối khi mặt trời lặn cũng là tâm nhất thời.

Phật Tánh

Như thế, tâm biết được sáng tối do được dẫn dắt bởi ngoại duyên sáng tối, nhưng tâm biết được sáng tối ấy là tâm nhất thời chứ không phải bản tâm, cái căn bản của năng lực biết sáng tối ấy là tâm căn bản.

Những ý nghĩ yêu ghét, thiện ác sanh rồi diệt do ngoại duyên, là tâm nhất thời khởi lên do những nhiễm ô được tích tàng trong tâm con người.

Dù bị bao bọc bởi bụi trần phiền não nhưng vẫn có cái tâm không bị tạp nhiễm, không bị vấy bẩn, vốn dĩ thanh tịnh như tự bao giờ.

Nước đựng trong vật chứa có hình tròn thì nước ấy tròn, đựng trong bình vuông thì có hình vuông. Nhưng vốn dĩ không phải nước ấy có hình tròn hay hình vuông. Tuy nhiên hầu hết mọi người quên mất điều này và bị vướng vào hình thù của nước.

Con người nhìn thấy điều thiện điều ác, nghĩ đến điều thích hay không thích, cho rằng có hay không có, bị chi phối bởi những điều như thế, bị trói buộc bởi những quan điểm như thế, rong ruổi theo những thứ bên ngoài và rồi chuốc lấy khổ đau.

Nếu trả lại cho ngoại duyên những quan điểm bị trói buộc, quay trở về bản tánh không bị trói buộc của mình thì cả thân và tâm đều không bị chướng ngại vì bất cứ gì, có thể đạt đến cảnh giới tự do giải thoát.

Tiết 2: Phật Tánh

1. Bản tâm thanh tịnh, nói khác đó là Phật tánh. Phật tánh có nghĩa là hạt giống Phật.

Nếu dùng kính hướng về phía mặt trời và chiếu vào đồng lá khô thì sẽ ra lửa, vậy lửa ấy do đâu mà có? Mặt trời và lăng kính cách xa nhau không thể hợp nhất với nhau, nhưng chắc chắn lửa của mặt trời nhờ duyên của lăng kính mà hiện lên trên lá khô. Và nếu cho dù có mặt trời mà không có chất cháy nơi lá khô thì lửa cũng không xảy ra nơi đồng lá khô.

Bây giờ, Phật tánh được ví như lá khô, vốn dĩ có thể sinh ra Phật, nếu chiếu lăng kính là trí tuệ của Phật vào thì sẽ có ngọn lửa là Phật. Ấy là ngọn lửa đức tin khai mở Phật tánh, cháy bùng trên đồng lá khô là chúng sanh.

Đức Phật dùng lăng kính trí tuệ ấy chiếu vào thế gian này và rồi thế gian này được thắp sáng với ngọn lửa lòng tin.

2. Con người vì quay lưng với cái Phật tánh giác ngộ vốn có này, rồi bị vướng vào bụi trần phiền não, tâm trí bị buộc vào những tướng trạng thiện ác của sự vật, rồi ta thân là bất tự do.

Vì sao con người đã có sẵn tâm giác ngộ vốn có mà vẫn sinh ra sai lầm, che mất ánh sáng Phật tánh, lênh đênh trong thế giới mê mờ như thế?

Có chuyện kể ngày xưa có một anh thanh niên, vào một

Phật Tánh

buổi sáng, khi nhìn vào gương đã kinh ngạc vì không thấy mặt và đầu của mình. Tuy nhiên, không phải đầu và mặt của anh ta mất mà chỉ vì anh ta nhìn vào mặt sau của gương! nên mới thấy như vậy.

Nỗi khổ vì muốn đạt được sự giác ngộ mà không đạt được là ngu si và cũng không cần thiết. Trong giác ngộ không có mê lầm, sai lầm ở nơi con người, đã tìm sự giác ngộ nơi cái tâm phân biệt, họ không biết rằng đó là vọng tâm chứ không phải chân tâm. Vọng tâm ấy là tâm bị xao động bởi bụi trần tham si bên ngoài che mắt tâm chân thật.

Cho nên, nếu từ bỏ vọng tưởng thì giác ngộ sẽ tự quay về, và sẽ hiểu ra rằng giác ngộ không phải là cái bên ngoài vọng tưởng. Điều bất tư nghì ở đây là, khi người ta ngộ đạo, thì thấy rằng không có vọng tưởng cũng không có cái được giác ngộ.

3. Phật tánh này không cùng tận. Cho dù sinh ra làm súc sinh, chịu cái khổ nếm quả, hay bị rơi vào địa ngục thì Phật tánh này cũng không tuyệt mất.

Cho dù trong thân ô uế, cho dù dưới đáy tận cùng của phiền não nhiễm ô, hay hoàn toàn bị lãng quên, mối liên hệ của con người với Phật tánh cũng không bao giờ mất.

4. Có câu chuyện rằng, ngày xưa có một người đến nhà bạn chơi. Trong khi say rượu và ngủ thiếp đi thì người bạn có chuyện cần gấp phải đi ngay. Người bạn ấy vì nghĩ đến

tương lai của người này, liền khâu vào tà áo của người ấy một viên bảo ngọc quý giá.

Kẻ say rượu này không hề biết điều đó. Khi tỉnh dậy anh ta đi qua nước khác, lao nhọc để có đồ ăn cái mặc. Sau đó, có lần may mắn gặp lại người bạn cũ nọ, được người bạn ấy chỉ rằng, hãy dùng viên ngọc khâu sẵn nơi áo anh.

Cũng giống như câu chuyện này, bảo ngọc tức là Phật tánh, bị che đậy trong tà áo phiền não tham sân, nhưng Phật tánh ấy không bị nhiễm ô, vẫn sáng sạch và vô giá.

Cũng vậy, bất cứ ai cũng có sẵn trí tuệ Phật. Đức Phật nhìn thấy điều đó và tin rằng tất cả chúng sanh đều có sẵn công đức và trí tuệ Phật.

Thế nhưng con người vì bị ngu si che lấp, nhìn vấn đề ngược lại, vì không nhìn thấy Phật tánh của chính mình, Phật dạy cho con người xa lìa vọng tưởng, và cho con người biết rằng, vốn dĩ, họ không khác với Phật.

5. Ở đây, nói đến Phật là Phật đã thành, con người là Phật sẽ thành trong tương lai, ngoài ra không có gì sai khác.

Tuy nhiên, cho dù là Phật sẽ thành, nhưng vì chưa thành Phật nên nếu nghĩ rằng mình đã thành đạo thì phạm phải sai lầm lớn.

Cho dù có Phật tánh nhưng nếu không tu thì nó sẽ không hiển bày, nếu nó không hiển bày thì hoàn toàn không có chuyện là đã thành đạo.

Phật Tánh

6. Chuyện kể, ngày xưa có một vị vua, tập họp nhiều người mù lại và cho sờ một con voi, rồi bảo những người mù này mỗi người hãy kể về con voi ấy như thế nào. Người sờ vào ngà voi thì nói con voi như củ cà-rốt lớn, người sờ vào tai voi thì nói voi như cái quạt, người sờ vào mũi voi thì nói voi như cái chày, người sờ vào chân voi thì nói voi giống như cái cối giã, người sờ vào cái đuôi thì nói voi như sợi dây thừng. Không ai có thể biết về một con voi hoàn chỉnh.

Cái thấy của con người cũng như thế, dù cho có thể mô tả một phần về bản chất của con người, nhưng không thể mô tả đúng về bản chất chân thực của con người, tức là Phật tánh.

Muốn tìm thấy Phật tánh bất sanh bất diệt, dù chết cũng không mất, dù trong phiền não cũng không nhiễm ô, thì chỉ có cách là nương tựa vào Phật và giáo pháp của ngài.

Tiết 3: Vô Ngã

1. Nói đến việc rằng con người có Phật tánh, có thể có giáo lý dạy rằng Phật tánh ấy cũng giống như bản ngã, nhưng như thế là sai lầm.

Khái niệm về ngã là do tâm chấp trước nghĩ ra, nhưng đối với người giác ngộ thì ngã là cái chấp trước cần phải bị phủ định, Phật tánh là viên ngọc cần phải được khai mở. Phật tánh có nơi ngã nhưng đó không phải là trường hợp “có tôi” hay “cái của tôi”.

Ý nghĩ rằng có ngã là coi cái không có là có, ấy là cái hiểu biết sai lầm; không công nhận Phật tánh, tức coi cái có là không có, ấy cũng là hiểu biết sai lầm.

Điều này có thể giải thích bằng một ví dụ. Ví như có người mẹ đem đứa con bị bệnh của mình đến bác sĩ, vị bác sĩ cho thuốc và dặn không nên cho con bú cho đến khi dùng hết thuốc.

Người mẹ bèn bôi chất đắng vào vú làm cho đứa trẻ không đòi bú nữa. Sau đó đến khi thuốc hết, người mẹ rửa sạch chất đắng ở vú mình và cho con bú. Hành động này của người mẹ là vì lòng thương yêu con bà.

Tương tự như thế, đức Phật vì muốn dẹp bỏ cái hiểu sai lầm, dẹp bỏ chấp ngã cho chúng sanh nên nói là không có ngã, và khi đã dẹp được cái hiểu sai lầm ấy rồi thì lại nói có Phật tánh.

Ngã là cái dẫn đến mê lầm, Phật tánh là thứ dẫn đến giác

Phật Tánh

ngộ.

Chuyện kể có người phụ nữ, trong nhà có hũ vàng mà không hay biết, sống bần khốn mãi cho đến một ngày có người đào hũ vàng ấy ra và đưa vàng cho bà. Cũng như chuyện này, đức Phật đã khai mở và chỉ Phật tánh cho chúng sanh.

2. Nếu thế, vì sao con người đã có sẵn Phật tánh mà lại có sự phân biệt quý tiện, giàu nghèo? sao có chuyện đau lòng như giết hại lẫn nhau, dối trá lẫn nhau?

Cũng như có một lực sĩ làm việc trong cung đình, anh ta hay đeo một viên kim cương trước trán. Có lần khi đánh vật thì viên kim cương này đập vào trán và bị dính sâu trong da trán. Người lực sĩ này tưởng mất viên kim cương rồi. Nhưng khi đến nhờ bác sĩ trị vết thương, bác sĩ nhìn qua biết vết thương ấy là do viên kim cương dính vào trong da, liền lấy ra cho vị lực sĩ ấy.

Phật tánh của chúng sanh cũng bị che lấp trong bụi trần phiền não nên không thể nhìn thấy, nhưng nhờ vị bác sĩ giỏi là đức Phật mà tìm thấy được trở lại.

Như thế, cho dù có Phật tánh nhưng vì nó bị che đậy bởi tham, sân, si, bị trói buộc bởi nghiệp và quả báo nên con người phải thọ nhận những nghịch cảnh khác nhau. Nhưng thực tế Phật tánh không bị mất, cũng không bị phá hoại, nếu loại bỏ được mê lầm thì sẽ tìm thấy lại được.

Cũng như vị lực sĩ trong ví dụ trên tìm thấy viên ngọc nhờ vị bác sĩ lấy ra cho, chúng sanh cũng sẽ thấy được Phật tánh nhờ ánh hào quang của Phật.

3. Cũng giống như bò cái, dù có loại lông trắng, lông đen, lông đỏ khác nhau nhưng nếu vắt sữa thì sẽ có một màu trắng như nhau, Phật tánh cũng vậy, cho dù trong nghịch cảnh khác nhau, sinh hoạt khác nhau nhưng tất cả chúng sanh đều có Phật tánh như nhau.

Ví như trên núi Himalaya có loài thuốc quý, nhưng bị che khuất bởi lùm cỏ dày nên con người không thể tìm ra. Thuở ấy có một vị tiên tìm thấy mùi hương của nó, và biết chỗ thuốc ấy, ông làm một cái ống để đựng thuốc trong đó. Nhưng sau khi vị tiên này mất đi thì thuốc ấy bị chôn vùi trong núi, bị thổi đi trong ống ấy, tùy chỗ nước trong ống ấy đổ ra mà mùi vị của nó biến đổi hẳn.

Phật tánh cũng như ví dụ này, vì bị che khuất sâu trong lùm cỏ phiền não nên con người không dễ tìm thấy nó. Nay Phật đã khai mở lùm cỏ ấy và chỉ cho mọi người. Dù hương vị của Phật tánh là chỉ có một, nhưng do vì phiền não mà lưu xuất ra nhiều loại mùi vị, con người sống theo nhiều nếp sống khác nhau.

4. Phật tánh này bền chắc như đá kim cương, không thể phá hoại. Cho dù có thể dùng thùng sỏi cát đá nhưng không thể dùng thùng đựng đá kim cương. Cho dù thân tâm có thể bị phá huỷ nhưng Phật tính thì không thể phá huỷ được.

Phật Tánh

Phật tánh là đặc chất cao quý nhất của con người. Trong thế gian có đủ loại người khác nhau như nam tôn nữ ti, nhưng trong giáo pháp của Phật dạy, về Phật tánh thì tất cả chúng sanh không có sự sai biệt.

Nấu chảy quặng vàng thì những tạp chất sẽ trôi đi, và nếu luyện lên thì sẽ có được vàng ròng quý giá. Tâm như quặng vàng, nếu nấu chảy ra thì phiền não sẽ trôi đi, dù bất cứ ai Phật tánh thanh tịnh cũng bình đẳng hiển bày.

Chương thứ tư

Phiền Nã

Tiết 1: Những Phiền Nã Của Con Người

1. Có hai loại phiền nã che khuất Phật tánh thanh tịnh.

Một là phiền nã thuộc tính biết. Hai là phiền nã thuộc tính cảm.

Hai loại phiền nã này là phân loại căn bản của tất cả phiền nã. Nếu tìm hiểu gốc rễ của những phiền nã này thì đó là vô minh và ái dục.

Vô minh và ái dục này có năng lực sinh ra tất cả phiền nã. Và chính hai thứ này là căn nguyên của tất cả phiền nã của chúng sanh.

Vô minh là vô tri, là không hiểu biết về đạo lý của sự vật. Ái dục tức là dục vọng bức bách, là căn bản của chấp trước đối với cái sanh, có dục vọng muốn đối với cái thấy cái nghe, và ngược lại cũng còn có dục vọng muốn chết.

Dựa trên vô minh và ái dục này, những phiền nã như tham, sân, si, tà kiến, oán hận, ghanh ghét, nịnh hót, lừa dối, kiêu ngạo, khinh khi, vô tâm, ích kỷ và nhiều thứ phiền nã khác được sinh khởi.

2. Tham sinh khởi do vì nhìn thấy điều vừa ý rồi có ý nghĩ không đúng đắn. Sân sinh khởi là do vì nhìn thấy điều không vừa ý rồi có ý nghĩ không đúng đắn. Si là do vì vô

Phiền Nã

tri, không biết điều nên làm, điều không nên làm. Tà kiến khởi lên là do vì thọ nhận sự giáo huấn không đúng đắn rồi có suy nghĩ không đúng đắn.

Tham sân si là ba ngọn lửa của thế gian. Lửa tham làm nổi lòng dục, thiêu đốt con người mất tâm chân thật. Lửa sân làm nổi nóng giận, thiêu đốt con người hại mạng chúng sanh. Lửa si làm mê mờ tâm trí, thiêu đốt con người không hiểu biết Phật pháp.

Quả thật, thế gian này bị thiêu đốt bởi nhiều thứ lửa. Lửa tham, lửa sân, lửa si, lửa sanh già bệnh chết, lửa sầu bi khổ ưu, ngàn ngụt cháy lên với nhiều loại lửa như thế. Những ngọn lửa phiền nã này không chỉ có thiêu đốt ta mà còn dẫn đến hành động làm khổ người khác bằng những hành vi bất thiện từ thân, miệng, ý. Hơn nữa, những vết thương mung mủ từ những ngọn lửa đó sẽ làm độc, tức dẫn con người đi vào con đường ác.

3. Lòng tham sinh khởi do ý muốn có nhiều, sân sinh khởi do cảm giác không có đủ, si sinh khởi do ý nghĩ không trong sạch. Tham thì ô nhiễm của tội lỗi tuy ít nhưng không dễ từ bỏ nó. Sân thì ô nhiễm tội lỗi nhiều nhưng có thể từ bỏ nó nhanh hơn. Si thì ô nhiễm tội lỗi nhiều và rời bỏ nó không dễ dàng.

Do đó, con người cần phải nghĩ đúng khi nhìn thấy tướng trạng điều mình ưa thích, nuôi dưỡng lòng từ khi nhìn thấy những thứ mình không ưa, thường phải tư duy đúng đắn thì có thể dập tắt ba ngọn lửa này. Nếu con người khi nào cũng

đầy đủ chánh tâm, thanh khiết, vô tư thì sẽ không bị phiền não quấy nhiễu.

4. Tham sân si là những thứ như cơn nóng sốt. Dù bất cứ ai, hễ có cơn sốt đó thì dù có nằm trong phòng tráng lệ thế nào đi chăng nữa cũng trần trọc bởi cái nhiệt đó và khổ sở không thể ngủ ngon giấc được.

Người không có những cơn nóng sốt là ba thứ phiền não này thì dù là đêm đông mà ngủ trên sàn mỏng với nệm bằng lá khô cũng vẫn ngủ ngon giấc, đêm hè dù có nằm trong gian phòng chật hẹp kín bưng cũng vẫn ngủ ngon lành.

Ba thứ tham, sân, si này là nguồn gốc sâu bi và đau khổ của thế gian. Để chấm dứt sâu bi và đau khổ ấy thì phải tuân theo giới cấm, thực hành thiền định và phải có trí huệ. Tuân theo giới cấm để dẹp bỏ ô nhiễm của lòng tham, thực hành thiền định là để dẹp bỏ ô nhiễm của sân hận, trí tuệ là để dẹp bỏ nhiễm ô của si mê.

5. Dục vọng của con người là vô cùng, cũng giống như cái khát của người uống nước muối, không bao giờ hết khát. Anh ta sẽ không bao giờ thấy uống đủ, cơn khát càng lúc càng tăng.

Con người muốn thỏa mãn cái muốn, nhưng chỉ lại chứa chất điều bất mãn.

Con người tuyệt nhiên không thể làm thỏa mãn cái muốn

Phiền Nã

được, và rồi có cái khổ sở vì cầu mà không được, khi không thể thỏa mãn, thì trở nên điên cuồng.

Con người chiến tranh vì lòng tham muốn, vì cái muốn mà đấu tranh. Vua với vua, thần với thần, cha với con, anh với em, chị với em, bạn bè với bạn bè, chỉ vì lòng tham muốn mà điên cuồng cãi vã lẫn nhau, giết chóc lẫn nhau.

Và con người vì lòng tham muốn mà hủy hoại cả thân mình, trộm cắp, lừa đảo, hoang dâm. Đến khi bị bắt, chịu đựng hình phạt thì buồn phiền đau khổ.

Con người cũng vì lòng dục mà chất chồng tội lỗi từ thân, miệng, ý. Không những chịu nhiều sự khổ nơi cõi đời này mà đời sau, khi chết đi còn phải đi vào thế giới tối tăm, chịu nhiều điều khổ sở.

6. Ái dục là vua của bao phiền nã, tất cả mọi phiền nã đều theo đó mà sinh ra.

Ái dục như mảnh đất ẩm có gieo mầm phiền nã, sinh ra đủ mọi loại phiền nã. Ái dục như ác quỷ ăn nuốt tính thiện, các thiện pháp sẽ bị tiêu diệt.

Ái dục như con rắn độc trú ẩn trong hoa, sẽ châm nọc độc sát hại người muốn hoa dục vọng. Ái dục như dây leo quấn vào cây làm cho cây khô héo đi, ái dục quấn vào tâm người, hút hết chất thiện trong tâm con người. Ái dục như miếng mồi ném cho ác ma, con người nếu bị cuốn vào đây thì sẽ chìm đắm vào con đường của ác ma.

Nếu cho con chó đói một mẩu xương khô bôi máu, con chó gặm ngấu mẩu xương ấy chỉ được một mẻ và lao nhọc. Ái dục không thể nuôi dưỡng tâm con người cũng giống hết mẩu xương và con chó đói kia.

Bây thú tranh nhau miếng thịt rồi cầu xé nhau. Kẻ ngu si cầm bó đuốc mà đứng ngược gió nên bản thân mình bị thiêu cháy. Cũng như bọn mãnh thú kia, và cả như người ngu này, con người vì lòng dục mà làm tổn hại thân mình, thiêu cháy thân mình.

7. Con người ta có thể tránh mũi tên độc bắn từ bên ngoài vào, nhưng không có cách nào tránh được tên độc bắn từ bên trong. Bốn thứ tham, sân, si và kiêu ngạo được ví như bốn thứ tên độc làm phát sinh ra đủ thứ bệnh tật.

Khi tâm có tham sân si thì miệng con người ta sẽ nói dối, nói thừa, nói lời ác, nói hai chiều, thân sẽ phạm phải sát sinh, trộm cắp và tà hạnh.

Ý có ba điều, miệng có bốn điều, và thân có ba điều, đấy là mười điều ác.

Nếu con người có thói quen nói dối, một cách tự nhiên, không ác sự gì mà không thể phạm. Vì làm điều ác nên họ phải nói dối, và khi họ đã nói dối được thì họ sẽ làm điều ác một cách bình thường.

Lòng tham, ái dục, lo sợ, sân giận đều do ngu si mà ra, bất hạnh, xui xẻo cũng từ ngu si mà ra. Ngu si thực sự là bệnh

Phiền Nã

độc của con người.

8. Từ phiền nã mà có ác nghiệp, từ ác nghiệp mà dẫn đến khổ đau. Phiền nã, ác nghiệp, khổ của con người là cái bánh xe quay hoài không ngừng nghỉ.

Vòng quay của bánh xe này là vô thủ vô chung. Nhưng con người không biết là cần phải tránh khỏi vòng luân hồi này, luôn phải theo vòng luân hồi quay về chỗ cũ, từ kiếp sống hiện tại đến kiếp sống sau này, cứ tái sinh mãi mãi.

Trong vòng luân hồi vô tận, kiếp sanh tử của con người được ví nhiều đến nỗi nếu chất xương tử thi thì cao hơn núi, nếu tập hợp sữa đã từng bú mẹ thì sữa ấy nhiều hơn nước biển.

Do đó, cho dù nói con người có Phật tánh nhưng do vì lún sâu trong bùn lầy phiền nã mà khó nảy mầm. Phật tánh chưa nảy mầm ấy cho dù là có nhưng không thể nói có. Đây là lý do vì sao si mê của con người cứ liên miên bất tận.

Tiết 2. Tính Chất Của Con Người

1. Tính chất của con người khó hiểu được, như lùm cây không biết lối vào. Nếu so tính chất của người với tính chất của mãnh thú thì mãnh thú dễ hiểu hơn nhiều. Để phân loại tính chất khó hiểu này của con người thì có bốn hạng.

Một là hạng tự làm khổ mình do thụ giáo sai mà hành khổ hạnh.

Hai là hạng người làm khổ người khác, sát hại, trộm cắp, và ngoài ra còn làm nhiều điều hung ác khác nữa.

Ba là hạng người không chỉ tự làm khổ mình mà còn làm khổ người khác.

Bốn là hạng người không làm khổ mình mà cũng không làm khổ người khác, vị ấy xa lìa tham dục, sống an tịnh, gìn giữ lời dạy của Phật, không sát hại, không trộm cắp, hành hạnh thanh tịnh.

2. Ngoài ra, trên thế gian này còn có ba hạng người. Người như chữ khắc trên đá, người như chữ viết trên cát, và người như chữ viết trong nước.

Người như chữ khắc trên đá có nghĩa là người thường giận hờn, và cái giận ấy kéo dài, việc giận hờn như chữ được khắc trên đá, không nhòa.

Người như chữ viết trên cát là chỉ cho người thường giận hờn, nhưng cái giận ấy như chữ viết trên cát, nhanh chóng

Phiền Nã

mất đi.

Người như chữ viết trên nước là nói đến người đầy tính khí ôn hòa, dù nghe lời ác, lời không vui từ kẻ khác nhưng không hề để bụng, cũng giống như chữ được viết trên nước, sẽ bị trôi ngay không thể thành hình.

Và lại nữa, ngoài ra cũng có ba hạng người. Hạng thứ nhất là người tâm tánh cạn cợt dễ hiểu, cao ngạo, hời hợt, thường không trầm tĩnh. Hạng thứ hai là người tâm tánh sâu sắc khó hiểu, điềm tĩnh, chú ý sâu sắc đến sự vật, kham nhẫn dục vọng. Hạng thứ ba là người tâm tánh cực kỳ khó hiểu, là người đã diệt tận tất cả phiền não.

Như thế, chúng ta đã có thể phân loại ra những hạng người nói trên. Nhưng thực ra thì tính chất thật của con người không dễ hiểu. Chỉ có đức Phật mới hiểu biết hết về tất cả tính chất ấy và chỉ ra lời dạy phù hợp cho mỗi người.

Tiết 3: Hiện Thực Về Cuộc Đời

1. Có một câu chuyện ví dụ về cuộc đời. Có một người chèo thuyền xuôi theo dòng sông, có người đứng trên bờ nói lớn cảnh cáo rằng: “đừng có vui thú xuôi dòng như thế nữa, dưới hạ lưu kia có sóng, có dòng xoáy cuộn, có cá sấu và yêu quái dữ sống ở dưới sâu, cứ thế mà xuôi dòng thì phải chết mất đấy”.

Trong ví dụ này “dòng sông” là ví cho đời sống ái dục, “việc vui thú mà xuôi dòng” là ví cho việc chấp trước vào bản thân, “có sóng” là ví cho cuộc sống hận thù và phiền muộn, “có dòng xoáy cuộn” là ví cho cái vui dục lạc, “có cá sấu và yêu quái dữ sống ở dưới sâu” là chỉ cho cuộc sống hủy diệt bởi tội lỗi, và người đứng trên bờ đây là nói đến đức Phật.

Cũng có một ví dụ nữa. Có một người đàn ông phạm tội rồi chạy trốn. Vì bị truy lùng, trong lúc đến đường cùng thì thấy ngay chỗ mình đến có một cái giếng cổ, và có dây leo xuống dưới. Khi anh ta đang bám vào dây leo mà xuống giếng thì nhìn thấy dưới ấy có một con rắn độc đang há miệng chờ. Không còn cách nào khác, anh ta cứ bám vào sợi dây rồi treo tòng teng như vậy. Chẳng bao lâu thì anh ta cảm thấy hai tay đau buốt. Lại xuất hiện hai con chuột đen và trắng gặm nhấm sợi dây ấy.

Nếu sợi dây mà đứt thì chắc chắn anh ta sẽ rơi xuống làm mồi cho rắn độc. Bỗng anh ta ngẩng đầu nhìn lên thì thấy từ một tổ ong gần đó nhỏ xuống một hai giọt mật ong ngọt

Phiên Nã

ngào. Khi ấy người đàn ông ấy quên mất mối nguy của mình mà mê mẩn đi.

Trong ví dụ này, “có một người đàn ông” chỉ cho tướng trạng cô độc một mình sinh ra một mình chết đi, “bị truy lùng” hay “rắn độc” là chỉ cho thân thể của mỗi người vốn có nguồn gốc là ái dục, “sợi dây nơi giếng cổ” là chỉ cho mạng sống của con người, “hai con chuột đen và trắng” là chỉ cho thời gian năm tháng, “giọt mật ong” là chỉ cho cái vui dục lạc trước mắt.

2. Lại có một câu chuyện nữa. Có một ông vua sở hữu một cái hộp nhốt bốn con rắn độc. Ông ra lệnh cho một người đàn ông nuôi bốn con rắn đó và bắt anh ta phải hứa nếu làm cho một trong bốn con rắn đó nổi xung lên thì anh ta phải chết. Người đàn ông sợ cái lệnh ấy của nhà vua nên quăng cái hộp mà bỏ trốn.

Vua biết chuyện, liền sai cho năm vị hạ thần đuổi theo. Họ giả vờ lân la để bắt về. Người đàn ông này không tin nên lại chạy trốn vào một ngôi nhà trong làng.

Khi đó, trên không trung bỗng có tiếng nói rằng: “trong làng này không có ai cả và đêm nay sẽ có sáu tên cướp đến làng này”. Người đàn ông hết sức kinh hãi và lại trốn đi nơi khác. Anh ta đến một dòng sông có sóng lớn, khó mà băng qua sông được. Vì nghĩ rằng ở lại bên này thì nguy hiểm nên anh ta bèn làm một chiếc bè. Thật là thập tử nhất sinh, cuối cùng anh ta cũng đã qua được bờ và bắt đầu cảm thấy an lành.

Bốn con rắn độc là bốn yếu tố đất nước lửa gió tạo thành con người. Chúng có nguồn gốc là lòng dục, là kẻ địch của tâm con người. Do đó, người đàn ông kia đã chán ghét thân này mà bỏ chạy.

Năm viên quan hạ thân giả vờ làm quen với anh ta là năm yếu tố cấu thành thân tâm của con người.

Căn nhà anh ta ẩn náu trong làng là sáu quan năng của con người. Sáu tên cướp là sáu đối tượng của sáu quan năng ấy. Như thế, nhìn thấy sự nguy hiểm của các quan năng nên lại bỏ trốn, nhìn thấy con sông có sóng lớn là những hoạt động điên cuồng của phiên não.

Chèo chiếc thuyền giáo pháp băng qua con sông phiên não sâu vô tận này và đã đạt đến bờ bên kia một cách an lành.

3. Trên cõi đời, có ba trường hợp mà mẹ cũng khó có thể cứu được con, con cũng khó có thể cứu được mẹ. Đó là khi có tai hoạ về cháy lớn, khi có tai hoạ về lụt lớn, khi có tai nạn về trộm cướp lớn. Nhưng ba trường hợp tai nạn này đôi khi mẹ con có thể còn cứu nhau được. Ở đây nói đến ba trường hợp tai hoạ mà mẹ không thể cứu con, con không thể cứu mẹ. Đó là, khi cái già đoanh vây, khi cái bệnh đoanh vây, khi cái chết đoanh vây.

Người con làm sao thay thế được cái già của mẹ? Cho dù người con có khốc lóc vì cái bệnh hoành hành thì người mẹ làm sao có thể bệnh thay cho con? Cho dù là mẹ con, đối với cái chết của người con, hay cái chết của người mẹ, thì

Phiên Nã

họ cũng không thể nào thay thế cho nhau được. Cho dù tình thương của mẹ con sâu nặng đến chừng nào thì trong trường hợp này cũng không thể giúp nhau.

4. Đối với người có tội, khi còn sống trong thế giới này làm nhiều điều ác, chết đi đọa vào địa ngục, Diêm Ma vương tra hỏi:

“Nhà ngươi khi còn sống trên cõi người đã không gặp ba vị thiên sứ sao?”

“Thưa đại vương, tôi không có gặp những vị ấy.

“Thế ngươi có từng gặp người già lưng còng, chóng gậy đi run rẩy không?”

“Thưa đại vương, người già như thế thì nhiều lắm.

“Nhà ngươi dù đã gặp thiên sứ ấy, vậy mà không nghĩ mình cũng sẽ già đi mà mau mau làm điều thiện, nên bây giờ phải chịu quả báo.”

Diêm Ma vương lại hỏi: “Nhà ngươi có từng thấy người bị bệnh một mình không thể dậy được, mắt mờ, gầy yếu khôn khổ không?”

“Thưa đại vương, người như thế thì thấy nhiều lắm.

“Nhà ngươi đã gặp thiên sứ là người bệnh, vậy mà không nghĩ mình cũng sẽ bệnh, vì không e sợ gì cả nên đã vào địa ngục này”.

Diêm Ma vương lại hỏi: “Nhà ngươi có từng thấy người chung quanh nhà ngươi chết không?”

“Tâu đại vương, tôi đã nhìn thấy nhiều người chết lắm.

“Nhà ngươi đã từng gặp thiên sứ cảnh báo sự chết chóc, vậy mà không nghĩ mình sẽ chết, lười nhác làm điều lành nên nay nhận quả báo. Những gì nhà ngươi đã làm thì nay nhà ngươi phải chịu nghiệp báo của nó.”

5. Có câu chuyện có một người phụ nữ trẻ tên là Kisagotami. Do đứa con trai duy nhất còn rất nhỏ của cô ấy chết. Cô ta mất trí, ôm cái xác con mình đi khắp nơi tìm người cứu chữa.

Không thể làm gì được với người phụ nữ điên loạn này, người trong làng chỉ biết xót xa nhìn sự việc. Có vị đệ tử của Phật thấy thế bèn khuyên cô ấy đến chỗ đức Thích Tôn ở tinh xá Kỳ Viên, thế là người phụ nữ tức tốc ôm con đến chỗ đức Phật.

Đức Thế Tôn yên lặng nhìn rồi nói: “Này chị, để trị lành cho đứa bé này thì cần vài hạt cây Anh Túc. Chị hãy đi vào làng xin cho ta vài hạt. Nhưng những hạt Anh Túc đó phải từ những nhà nào mà không có bà con thân thuộc chết nhé.”

Thế rồi người phụ nữ điên đi vào làng tìm hạt Anh Túc. Hạt Anh Túc thì dễ có, nhưng nhà không có người chết thì không thể tìm ra được. Cuối cùng người phụ nữ này không kiếm được hạt và trở về chỗ đức Thích Tôn. Nhìn thấy thái

Phiền Nã

độ điềm tĩnh yên lặng của ngài, cô gái chợt ngộ được ý nghĩa lời Phật, cảm thấy như vừa tỉnh mộng, cô đem con chôn cất xong liền trở về quy y thành đệ tử của ngài.

Tiết 4: Chân Tướng Của Mê Vọng

1. Con người trong thế gian, tình người bạc bẽo, không biết tình thân hay tôn trọng lẫn nhau. Lại còn tranh giành nhau những điều đáng chán, sống trong dờ tệ và khổ sở, cố công làm việc phần mình và rốt cục chỉ trải qua những tháng ngày như thế.

Dù có địa vị cao hay thấp, giàu hay nghèo, con người đều phải khổ vì một điều, đó là tiền. Có tiền cũng khổ, không có cũng khổ. Vì tâm của họ bị dục vọng điều khiển nên không thể nào an ổn.

Người giàu có nếu có ruộng sẽ lo về ruộng, nếu có nhà sẽ lo về nhà, chấp trước những thứ sở hữu và nỗi lo càng chồng chất. Hoặc khi gặp thiên tai, gặp khổ nạn, bị trộm cướp, bị thiêu cháy mà mất thì họ sẽ phiền não mà đến mất thân mạng. Tuy nhiên, họ chỉ đi một mình khi chết đi, không có ai đi theo, không có vật gì có thể mang theo được.

Người nghèo khó thì khổ vì thường không có đủ, muốn có nhà, muốn có ruộng, bị thiêu đốt vì những suy nghĩ muốn có muốn có này mà thân tâm rã rời. Và do đó mà không sống hết được cuộc đời mình, chỉ đến giữa chừng thì chết.

Họ nhìn thấy như thế tất cả thế gian này là thù địch, tử lộ một mình, phải một mình lủi thủi cất bước phương xa.

2. Lại nữa, thế gian này có năm điều ác. Một là, tranh giành lẫn nhau. Tất cả mọi loài từ con người cho đến loài

Phiền Nã

côn trùng bò bay máy cưa, kẻ mạnh hiếp đảo kẻ yếu, kẻ yếu khinh khi kẻ mạnh, cắn giết cấu xé lẫn nhau.

Hai là, không có sự phân biệt rõ ràng giữa một người cha và một người con, giữa một người vợ và một người chồng, người vai vế lớn và người vai vế nhỏ, tất cả không giữ gìn cho nhau. Ai cũng muốn mình là trung tâm, khinh khi lẫn nhau, tâm ý và lời nói khác nhau, không có thành thật.

Ba là, không có sự rõ ràng trong hành vi của người nam và người nữ, mọi người đôi khi có suy nghĩ không trong sạch và bất chính, muốn dẫn người kia đến những hành vi có vấn đề và thường đi đến ô danh, kiện cáo lẫn nhau.

Bốn là, không có ý tính cùng nhau làm điều lành, chỉ cho nhau làm ác, khi dối, nói lời vô ích, lời ác, lời hai chiều, làm tổn hại lẫn nhau. Không biết tôn kính nhau, chỉ có mình là cao cả vĩ đại, làm tổn thương người khác mà không hề phản tỉnh.

Năm là, biếng trễ trong mọi việc, không biết làm điều thiện, không biết ơn nghĩa, không biết trách nhiệm, chỉ hành động theo cái muốn của mình, làm phiền người khác và rồi cuối cùng phạm vào tội nặng.

3. Lẽ ra con người phải yêu kính lẫn nhau, nhường nhịn cho nhau, nhưng chỉ vì một chút lợi ích mà tranh giành ghét bỏ nhau. Và cho dù chỉ có chút tranh chấp nhỏ, nhưng theo thời gian lớn dần, sự ghét bỏ nhau lớn dần lúc nào không hay.

Những tranh chấp và làm hại lẫn nhau trên thế gian này không thể chấm dứt ngay, sự hiềm giận độc hại càng chồng chất, khi đã khắc sâu sự hiềm giận vào tâm khảm rồi thì dù tái sinh cũng sẽ làm tổn hại lẫn nhau.

Con người một mình sinh ra nơi thế giới ái dục này và một mình chết đi. Không có ai có thể chịu thay quả báo trong tương lai mà mỗi người phải tự chịu.

Việc thiện và việc ác có quả báo khác nhau, việc thiện được quả báo an vui, việc ác chịu quả báo tai ách, đó là đạo lý bất di bất dịch. Thế nhưng con người không nghĩ đến trách nhiệm đối với hành vi của mình, đến khi quả báo tất nhiên đến phải một mình gánh chịu.

4. Mỗi nhân duyên ái ân trói buộc con người trong ưu bi, trải qua tháng năm cũng không thể thoát khỏi những suy nghĩ đau buồn. Theo đó, họ ngụp lặn trong dục tham, bị bao vây bởi ác ý dẫn đến hành động không tốt, tranh chấp với người khác, không thể tiến gần con đường chân chính, dù chưa hết thọ mạng mà bị cái chết bủa vây rồi phải chịu khổ đau mãi mãi.

Hành vi của những người như thế này là trái với con đường tự nhiên, quay lưng với đạo lý của thế gian nên phải hứng lấy tai họa, phải chịu khổ chất chồng cả kiếp sống này và cả kiếp sau.

Thật vậy, những việc thế tục trôi qua như chớp mắt, không có gì có thể tin cậy được, không có gì là sức mạnh. Thật

Phiền Nã

đáng buồn cho những ai không biết điều này mà cứ mãi tìm cầu khoái lạc.

5. Những việc như trên chính là chân tướng của thế gian này, con người sống trong cái khổ mà chỉ làm điều ác không biết làm lấy một chút điều thiện. Do đó, đúng như quy luật, không thể nào tránh được quả báo khổ đau.

Con người chỉ chăm chăm coi trọng mình, không biết ban bố ân huệ cho kẻ khác. Nên bị dục vọng chi phối, dấy động các thứ phiền não. Do đó mà sinh khổ và chịu kết quả của khổ.

Vinh hoa thoáng chốc qua đi, không thể kéo dài mãi được. Khoái lạc trong cõi đời này cũng không có gì có thể còn mãi.

6. Do đó, con người nên gác việc đời, cầu đạo khi mình còn khoẻ mạnh và nguyện cầu đời sống vĩnh cửu. Ngoài việc cầu đạo giác ngộ ra thì có gì đáng nương tựa và hạnh phúc hơn nữa.

Nhưng con người không tin nếu làm điều tốt thì được thiện quả, nếu có hành vi hợp đạo lý thì được đạo lý. Họ cũng không tin nếu bố thí thì sẽ có hạnh phúc, không tin tất cả mọi điều thiện ác sẽ có liên quan đến mọi sự.

Họ chỉ có tư duy sai lầm. Không biết đạo lý, không biết điều thiện, tâm trí tối tăm, không biết rằng quy luật hoá

phước cát hung do đâu sanh khởi, chỉ khóc than về những thứ xảy ra trước mắt.

Vì không có vật gì mà không thay đổi nên nói vạn vật là vô thường. Con người chỉ biết than khóc đau thương, không nghe giáo pháp, không tư duy sâu sắc về tâm, chỉ ngụp lặn trong khoái lạc nhãn tiền, tham đắm tiền tài sắc dục mà không biết chán.

7. Con người ta, từ xa xưa sống trải qua thế giới u mê, lặn hụp trong ưu bi khổ não không thể nào nói hết. Cho đến ngày nay cái mê ấy cũng chưa dứt. Nay gặp giáo pháp của Phật, nghe danh Phật và tin cậy được là điều thật sự vui mừng.

Do đó cần tích tập tư duy lành, tránh điều ác chọn điều thiện, và phải nỗ lực tu tập.

Chúng ta ngày nay, hạnh phúc gặp được lời Phật, ai cũng cần phải tin lời Phật dạy, và nguyện được sinh trong cõi nước của ngài. Vì tin lời Phật dạy nên con người không theo người khác mà bước vào con đường phiền não và tạo tội ác nữa. Và lời Phật dạy ấy không chỉ để cho mình mình thực hành mà cần phải chỉ cho người khác cùng thực hành.

Sự Cứu Độ Của Phật

Tiết 1: Hạnh Nguyện của Đức Phật A-di-đà

1. Như từ trước đã nói, đời sống của con người là thứ khó lìa khỏi phiền não, và từ vô thủy xa xưa con người đã mang tội nghiệp chồng chất như núi, rồi u mê chồng chất u mê. Do đó, cho dù có viên ngọc Phật tánh nhưng không dễ dàng khai mở được.

Đức Phật nhìn thấu suốt điều này của con người. Trong thời xa xưa, có một vị bồ-tát, vì thương con người, muốn xoa dịu tất cả lo sợ cho con người mà làm vị bồ-tát đại từ bi, phát khởi nhiều hạnh nguyện, và thề rằng cho dù thân này chịu khổ nhọc thế nào thì cũng quyết thực hành cho bằng được. Đại khái những hạnh nguyện ấy là:

- a) Nếu tôi thành Phật thì những chúng sanh sinh vào trong cõi nước của tôi cũng có thể thành Phật, nếu chưa đạt được thì tôi nguyện không thành.
- b) Nếu tôi có thành Phật mà ánh sáng của tôi còn giới hạn chưa thể chiếu soi toàn cõi nước thì tôi nguyện không thành.
- c) Nếu tôi thành Phật mà thọ mạng có thể đếm được, cho dù là số bao nhiêu đi nữa, thì tôi cũng nguyện không thành.
- d) Nếu tôi thành Phật mà mười phương thế giới chư Phật không tán thán hết lời, không xưng danh hiệu tôi thì tôi nguyện sẽ không thành.

e) Nếu tôi thành Phật mà mười phương chúng sanh với tâm chân thật, khởi niềm tin sâu sắc muốn sanh vào nước tôi, nếu niệm danh hiệu tôi mười lần mà không thể sanh về, thì tôi nguyện sẽ không thành Phật.

f) Nếu tôi thành Phật mà mười phương chúng sanh khởi tâm cầu đạo, tu tập nhiều công đức, với tâm chân thật phát khởi hạnh nguyện muốn sanh về cõi nước của tôi, nếu khi người đó mệnh chung mà tôi không cùng các vị bồ-tát vĩ đại xuất hiện trước vị ấy để đón về thì tôi sẽ không thành Phật.

g) Nếu tôi thành Phật mà mười phương chúng sanh nghe tên tôi, nghĩ về cõi nước của tôi, với việc đã gieo trồng nhiều công đức, tận tâm cúng dường, muốn sanh về cõi nước của tôi mà không thể sanh về như ý, thì tôi nguyện không thành Phật.

h) Nếu tôi thành Phật, những chúng sanh sinh vào trong nước tôi sẽ đạt được giai vị đời sau sẽ thành Phật. Chỉ trừ những ai có phát thệ riêng, vì lợi ích của chúng sanh mà mặc áo đại nguyện, tinh tấn vì lợi ích và an lành cho thế gian, dẫn dắt vô lượng chúng sanh đến giác ngộ và thực hành đại từ bi. Nếu không như thế thì tôi nguyện không thành Phật.

i) Nếu tôi thành Phật, tất cả chúng sanh trong mười phương thế giới khi tiếp xúc với ánh sáng của tôi thì thân tâm nhu nhuyễn, muốn có những thứ thù thắng hơn cõi đời này. Nếu không như thế thì tôi nguyện không thành Phật.

Sự Cứu Độ Của Phật

j) Nếu tôi thành Phật, tất cả chúng sanh trong mười phương thế giới khi nghe tên tôi sẽ được niềm tin sâu sắc không bị sanh tử buộc ràng, và cũng được trí tuệ sâu màu không gì chướng ngại được, nếu không được như thế thì tôi nguyện không thành Phật.

Nay tôi phát khởi những thệ nguyện này, nếu những nguyện này không tròn đầy được thì tôi thề không thành chánh giác. Tôi sẽ thành nguồn ánh sáng vô tận chiếu soi khắp tất cả cõi nước, cứu vớt chư khổ não trong đời, vì chúng sanh khai mở kho tàng chánh pháp, ban bố công đức rộng khắp muôn nơi.

2. Lập nguyện như thế, vị ấy đã tích tập công đức trải qua thời gian dài vô lượng, kiến tạo quốc độ thanh tịnh và đã thành Phật từ xa xưa, nay đang thuyết pháp nơi thế giới cực lạc ấy.

Cõi nước ấy thanh tịnh, an ổn, lìa các phiền não, ngập tràn niềm vui của sự giác ngộ. Đồ mặc, thức ăn và tất cả những điều đẹp đẽ hiện ra đúng như mong muốn của những chúng sanh ở cõi nước ấy. Khi những cơn gió nhẹ thổi qua, những cây báu đung đưa phát ra âm thanh thuyết pháp khắp bốn phương, người nghe âm thanh ấy, cấu uế trong tâm tuyệt đối không còn.

Lại nữa, đất nước ấy luôn có những bông hoa sen đủ màu nở thắm, mỗi bông hoa có rất nhiều cánh, nơi mỗi cánh, ánh màu của cánh ấy lấp lánh, mỗi ánh sáng đó nói ra lời dạy của Phật, làm cho người nghe an lành trong con đường

đạo.

3. Lúc bảy giờ tất cả chư Phật trong mười phương khen ngợi công đức thù thắng của đức Phật này.

Bất cứ ai nghe đến danh hiệu của Phật này đều nhất tâm mừng vui tin tưởng, và do đó được sinh về cõi nước của Phật ấy.

Những người đến được cõi nước của Phật ấy đều có thọ mạng vô cùng, lại nữa tự mình còn phát thệ muốn cứu những người khác và nguyện ấy được khuyến khích thực hành.

Với việc phát khởi những thệ nguyện như thế sẽ lìa khỏi chấp trước, chứng được đạo lý vô thượng. Lợi ích cho mình mà đồng thời cũng làm lợi cho người khác, cùng sống trong từ bi với tất cả mọi người, không ràng buộc trong chấp trước thế gian.

Con người trong cõi Phật vừa hiểu khổ đau nơi cõi đời này, đồng thời cũng biết khả năng vô hạn về từ bi của Phật. Trong tâm họ không chấp trước, không còn phân biệt giữa mình và người, đến hay đi, tiến lên hay dừng lại đều không chấp nhất, tự do tự tại như mong muốn. Và hơn nữa, họ đã chọn ở lại cùng bên những người mà đức Phật đã rửa lòng từ bi.

Do đó, nếu có một người khi nghe danh hiệu của đức Phật này mà hoan hỷ đồng mãnh, dù chỉ một lần niệm danh hiệu

Sự Cứu Độ Của Phật

của ngài thì người ấy cũng được lợi ích lớn. Do đó, cho dù phải kinh qua thế giới đầy lửa dữ này, khi nghe lời dạy ấy thì nên hoan hỷ kính tin mà thực hành theo đó.

Nếu con người nghiêm túc muốn được giác ngộ thì dù gì cũng phải nhờ sức của đức Phật này. Không có sức gia trì của chư Phật mà có thể giác ngộ là điều không thể đối với con người thường tình nơi thế gian.

4. Đức Phật A-di-đà ấy không cách xa chúng ta. Cõi nước của Phật ấy tuy có xa nhưng cũng tồn tại trong tâm của những ai nhớ nghĩ đến Phật.

Trước tiên, nếu tưởng tượng nhìn thấy hình tướng của Phật ấy trong tâm, ngài có ngàn vạn ánh vàng chói sáng, có tám vạn bốn ngàn tướng mạo và đặc trưng. Nơi mỗi mỗi tướng mạo ấy có tám vạn bốn ngàn ánh sáng, mỗi mỗi ánh sáng ấy chiếu soi đến những ai tín thành niệm Phật, bao dung không sót một ai.

Và với việc chiêm bái đức Phật này mà có thể chiêm bái được tâm của Phật. Tâm của ngài chính là lòng từ bi vĩ đại, không những cứu độ những người có tín tâm, mà còn cứu độ cho cả những người không biết đến hay quên mất lòng từ bi của Phật.

Đối với người có tín tâm, Phật ban cho cơ hội hợp nhất với ngài. Nếu nghĩ nhớ đến Phật thì vì ngài hoá thân đến khắp tất cả mọi nơi nên cũng hiện vào trong tâm của tất cả mọi người.

Chính vì thế, khi trong tâm nghĩ đến Phật thì tâm ấy thật sự có Phật với những đặc trưng và tướng mạo viên mãn, tâm ấy chính là tâm Phật.

Người có tín tâm thanh tịnh chơn chánh thì nên hình dung tâm mình chính là tâm của Phật.

5. Đức Phật có nhiều hình tướng, hiện ra tùy theo năng lực của mỗi người, đầy khắp nơi thế giới này, vô hạn không thể nghĩ lường hết được. Có thể chiêm ngưỡng hình tướng ấy trong vũ trụ, trong tự nhiên, trong mỗi mỗi con người.

Tuy nhiên, việc niệm danh hiệu Phật thì chắc chắn có thể chiêm bái được hình tướng của ngài. Đức Phật này thường có hai vị bồ-tát đi theo nghênh đón những ai niệm Phật.

Tuy hoá thân của Phật đầy khắp thế giới nhưng chỉ có người có tín tâm thì mới có thể nhìn thấy được.

Dù chỉ nghĩ đến hình tướng giả tạm của Phật thôi cũng được vô lượng công đức, nên công đức chiêm bái đức Phật chân thật là không thể nghĩ lường.

6. Tâm của đức Phật này chính là trí tuệ và từ bi vĩ đại cho nên đối với bất cứ hạng người nào cũng có thể cứu độ được.

Do ngu si mà phạm tội tà trời, tâm thì ôm những ý nghĩ tham sân si, miệng thì nói lời dối trá, nói lời vô ích, nói lời ác, nói hai chiều, thân thì sát sanh, trộm cắp, tà hạnh. Người

Sự Cứu Độ Của Phật

phạm 10 điều ác như thế, do vì những hành vi ác ấy mà vĩnh viễn chịu khổ trong tương lai.

Những người ấy khi mạng chung có bạn lành đến, thân thiết chỉ cho rằng: “lúc này có lẽ anh đang đau đớn, nghĩ đến Phật e cũng không nổi. Nhưng anh chỉ cần thầm gọi tên của Phật thôi cũng được lợi ích”.

Người ấy liền nhất tâm gọi tên Phật, trong khoảnh khắc, diệt trừ tất cả tội nghiệp vốn phải bị đọa vào thế giới u mê và được cứu độ.

Nếu con người niệm danh hiệu Phật này thì sẽ tiêu trừ được tội lỗi vốn phải chịu đọa vào trong thế giới u mê bất tận. Huống hồ nhất tâm nhớ nghĩ thì đương nhiên lại càng được lợi ích hơn.

Người tinh tấn niệm Phật là người thanh cao như hoa sen trắng. Sẽ thành bạn lữ với hai vị bồ-tát từ bi và trí tuệ, lại thường không xa lìa thánh đạo, và cuối cùng sẽ được sanh về cảnh giới tịnh độ.

Do đó, con người cần phải ghi nhớ điều này. Việc ghi nhớ điều này cũng là ghi nhớ danh hiệu của đức Phật ấy.

Tiết 2: Quốc Độ Thanh Tịnh

1. Đức Phật này hiện nay đang thuyết pháp. Con người ở cõi nước này đều không biết gì về khổ, chỉ vui sống những ngày tháng thông thả, nên gọi là cực lạc.

Nơi cõi nước ấy có ao sen được làm từ bảy báu, bên trong có đầy nước tinh sạch, đáy hồ được phủ cát bằng vàng ròng, có hoa sen lớn bằng bánh xe khoe sắc. Những hoa sen ấy, cái màu xanh thì toả ra ánh sáng xanh, cái màu vàng thì toả ra ánh sáng vàng, cái màu đỏ thì toả ra ánh sáng đỏ, cái màu trắng thì toả ra ánh sáng trắng, và mùi hương tao nhã thơm ngát.

Và chung quanh hồ ấy có những lầu các được làm bằng bốn báu vàng, bạc, ngọc xanh, pha lê, có cầu thang được làm từ đá cẩm thạch. Và ở những chỗ khác, trên hồ lại có những lan can chìa ra khỏi hồ, được bao quanh bằng những tấm màn cản ngọc quý. Chính giữa là nhiều hàng cây và hoa thơm ngát quanh năm khoe sắc.

Trên không trung có tiếng nhạc trời, trên mặt đất có ánh sáng sắc vàng, suốt ngày đêm có mưa hoa rơi xuống, con người ở cõi đó nhặt hoa ấy đặt vào đĩa, đem đi đến các cõi Phật khác để cúng dường chư Phật.

2. Và trong khuôn viên cõi nước ấy có muôn vàn chim muông, có những con cò và thiên nga trắng như tuyết, những con công màu sắc sặc sỡ, những con chim trời, ca-lăng-tần-già, thường cất tiếng hát hoà nhã mang ý nghĩa

Sự Cứu Độ Của Phật

thuyết giảng Phật pháp, xưng dương tất cả công đức và điều thiện.

Con người khi nghe tiếng ấy thì đều niệm Phật, nghĩ về lời dạy của Phật, hoà hợp với nhau. Bất cứ những ai khi nghe loại âm nhạc này cũng đều nghĩ là đang nghe âm thanh của Phật, đánh thức lòng tin đối với đức Phật, làm mới niềm vui nghe pháp, tình bằng hữu với những người thọ lãnh giáo pháp của chư Phật trong các cõi nước.

Những cơn gió nhẹ thổi qua hàng cây báu lay động những chuỗi chuông lấp lánh ngân lên những âm thanh vi diệu, cùng lúc tấu lên trăm ngàn âm nhạc.

Người nghe âm nhạc này, một cách tự nhiên, niệm Phật, nghĩ nhớ pháp, nghĩ nhớ đến đoàn thể hoà hợp đệ tử Phật. Cõi nước của đức Phật ấy có đủ những công đức và điều mỹ lệ như thế.

3. Vì nguyên nhân gì mà đức Phật ấy được gọi là Phật Vô Lượng Quang, Phật Vô Lượng Thọ. Vì quang minh của đức Phật ấy không thể đo lường, chiếu khắp mười phương các cõi nước không bị chướng ngại chút nào. Và thọ mạng của ngài cũng không thể đo lường được nên được gọi tên như thế.

Và do vì những chúng sanh được sanh về cõi nước ấy cũng đều đạt đến cảnh địa không còn quay trở lại thế giới mê này, số lượng nhiều không thể đếm hết.

Sự Cứu Độ Của Phật

Và cũng do vì nhờ ánh quang minh của đức Phật này mà số lượng người giác ngộ cuộc đời mới nhiều vô lượng.

Nếu có người giữ trong tâm danh hiệu của Phật này, từ một ngày cho đến bảy ngày tâm nhất quán không dao động thì khi người đó mạng chung, đức Phật này cùng với nhiều thánh chúng hiện đến trước người đó, lòng vị ấy không xao động, tức khắc được sanh về cõi nước của Phật ấy.

Nếu con người ta khi nghe danh hiệu của đức Phật này, tin tưởng lời dạy này thì được đức Phật hộ trì, sẽ đạt được sự giác ngộ chân chánh không có gì cao hơn được.

